

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày 14-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 224/2019/TLST – HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra **xét xử số 244/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019** đối với bị cáo:

Trịnh Bá L, sinh năm 1990, tại Lào Cai; nơi cư trú: Thôn A, thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Bá T và bà Hoàng Thị B; vợ Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22-01-2008, bị Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau với số tiền 200.000 đồng; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Tiểu khu B, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai; có mặt.

2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Bà Thái Thị Kim Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ V, ấp H, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
5. Ông Phạm Thanh T1, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
6. Bà Huỳnh Kim Ng, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 5, ấp A, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
7. Ông Nguyễn Tấn C1, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp V, xã G, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
8. Ông Huỳnh Hoàng Nh, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp Ch, xã P, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
9. Ông Nguyễn Long P, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Ph, xã P, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
10. Bà Trần Thị Hồng H2, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ N, khu phố M, phường Kh, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
11. Bà Trần Lê Mỹ D, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố M, phường Kh, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
12. Ông Võ Văn C4, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp M, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
13. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố B, phường Ph, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
14. Bà Đỗ Thị I, sinh năm 1962; địa chỉ: khu phố X, phường Ph, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
15. Bà Nguyễn Thị Tuyết K, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố Z, phường Ph, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
16. Bà Nguyễn Thị Hồng T5, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp H, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có mặt.
17. Ông Mai Bá Đ5, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố I, phường Ph, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
18. Bà Đường Diêu H6, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 2, khu phố B, phường Ph, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
19. Công ty S; địa chỉ trụ sở: đường B, phường T, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Người đại hợp pháp: Ông Trần Khánh L, sinh năm 1988; địa chỉ liên hệ: đường B, phường T, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; địa chỉ thường trú: Thôn X, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 22-4-2019, Công an phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận được tin báo của quần chúng nhân dân có hai đối tượng nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn là đang thực hiện hành vi cho vay lãi nặng tại quán cà phê F tại khu phố B, phường Ph, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Công an phường Tân Phước Khánh tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch của hai đối tượng xác định là Trịnh Bá L và Nguyễn Việt Đ nên đến quán cà phê F mời L và Đ về trụ sở làm việc. Qua làm việc, L và Đ đã khai nhận hành vi cho vay với lãi suất cao. Công an phường Tân Phước Khánh tiến hành lập biên bản tạm giữ đồ vật tài, tài liệu do Trịnh Bá L giao nộp gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng đồng; số tiền 42.800.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển số 61B1 – 886.27 màu trắng, đen.

Công an phường Tân Phước Khánh lập hồ sơ ban đầu và bàn giao Trịnh Bá L và Nguyễn Việt Đ cùng các đồ vật, tài liệu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên tiến hành trưng cầu trích xuất dữ liệu thông tin hình ảnh từ điện thoại di động đã thu giữ của Trịnh Bá L nêu trên. Trên cơ sở kết quả tại Biên bản trích xuất dữ liệu thông tin hình ảnh số 66/BBGD – PC09 ngày 29-4-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương và lời khai của Trịnh Bá L và Nguyễn Việt Đ, Cơ quan điều tra đã xác định được 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay tiền của Trịnh Bá L với mức lãi suất từ 20% đến 30%/tháng từ khoảng thời gian tháng 9-2018 đến tháng 5-2019 trên các địa bàn phường Ph, xã P, phường H, xã T gồm bà Dương Thị H, bà Thái Thị Kim Th, ông Nguyễn Ngọc H1, ông Phạm Thanh T1, bà Huỳnh Kim Ng, ông Nguyễn Tấn C1, ông Huỳnh Hoàng Nh, bà Đường Diêu H6, ông Nguyễn Long P, bà Trần Thị Hồng H2, bà Trần Lê Mỹ D, ông Võ Văn C4, ông Nguyễn Thanh T3, bà Đỗ Thị I, bà Nguyễn Thị Tuyết K, bà Nguyễn Thị Hồng T5 và ông Mai Bá Đ5. Hai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay tiền của Nguyễn Việt Đ 30%/tháng (1%/ngày) vào ngày 18-3-2019 và ngày 19-4-2019 trên các địa bàn phường Ph, phường H gồm ông Nguyễn Tấn C1, ông Huỳnh Hoàng Nh.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

- Bà Dương Thị H khai: Bà H vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, khoảng tháng 01-2019 bà H vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ hai, ngày 13-4-2019 bà H vay của L số tiền 7.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 300.000 đồng (tương đương mức lãi suất 28,57%/tháng). Bà H đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

- Bà Thái Thị Kim Th khai: Bà Th vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, ngày 13-3-2019 bà Th vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ hai, ngày 13-4-2019 bà Th vay của L số tiền 7.000.000

đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 300.000 đồng (tương đương mức lãi suất 28,57%/tháng). Bà Th đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

- Ông Nguyễn Ngọc H1 khai: Ông H1 vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, ngày 19-3-2019 ông H1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ hai, ngày 19-4-2019 ông H1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Ông H1 đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

- Ông Phạm Thanh T1 khai: Ông T1 vay của L 03 lần. Lần thứ nhất, ngày 05-3-2019 ông T1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ hai, ngày 20-3-2019 ông T1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ ba, ngày 05-4-2019 ông T1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Ông T1 đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

- Bà Huỳnh Kim Ng khai: Bà Ng vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, ngày 30-3-2019 bà Ng vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng), bà Ng đã trả được 23 ngày. Lần thứ hai, ngày 12-4-2019 bà Ng vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng), bà Ng đã trả được 10 ngày.

- Ông Nguyễn Tấn C1 khai: Ông C1 vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, ngày 05-4-2019 ông C1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ hai, ngày 19-4-2019 ông C1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Ông C1 đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

Ngoài ra, ngày 22-3-2019 ông C1 còn vay của Nguyễn Việt Đ số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 100.000 đồng. Ông C1 đã trả xong tiền gốc và lãi cho Việt với số tiền 13.000.000 đồng.

- Ông Huỳnh Hoàng Nh khai: Ông Nh vay của L 03 lần. Lần thứ nhất, ngày 07-4-2019 ông Nh vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ hai, ngày 12-4-2019 ông Nh vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ ba, ngày 16-4-2019 ông Nh vay của L số tiền 15.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày,

mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 600.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Ông Nh đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

Ngoài ra, ngày 18-3-2019 ông Nh còn vay của Nguyễn Việt Đ số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 50.000 đồng. Ông Nh đã trả xong tiền gốc và lãi cho Việt với số tiền 8.000.000 đồng.

- Bà Đường Diêu H6 khai: Bà H6 vay của L 04 lần. Lần thứ nhất, khoảng tháng 12-2018 bà H6 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ hai, khoảng tháng 2-2019 bà H6 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ ba, khoảng tháng 3/2019 bà H6 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ tư, ngày 08-4-2019 bà H6 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Bà H6 đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

- Bà Trần Thị Hồng H2 khai: Bà H2 vay của L 03 lần. Lần thứ nhất, khoảng tháng 9-2018 bà H2 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ hai, khoảng tháng 11-2018 bà H2 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ ba, ngày 20-3-2019 bà H2 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Bà H2 đã trả xong hết các khoản nợ vay nêu trên cho L.

- Bà Trần Lê Mỹ D khai: Bà D vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, khoảng tháng 11-2018 bà D vay của L số tiền 7.500.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng). Lần thứ hai, ngày 08-3-2019 bà D vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng), bà D đã trả xong khoản nợ vay này.

- Ông Võ Văn C4 khai: Ông C4 vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, khoảng đầu tháng 2-2019 ông C4 vay của L số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 400.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng), ông C4 đã trả xong khoản nợ vay này. Lần thứ hai, khoảng cuối tháng 02-2019 ông C4 vay của L số tiền 35.000.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng), trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 1.400.000 đồng, ông C4 đã trả được 28 ngày.

- Ông Nguyễn Thanh T3 khai: Ông T3 vay của L 01 lần vào khoảng tháng 3-2019 với số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng), ông T3 đã trả xong khoản nợ vay này.

- Bà Đỗ Thị I khai: Bà I vay của L 01 lần vào ngày 08-4-2019 với số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 30 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 20%/tháng), bà I đã trả xong khoản nợ vay này.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết K khai: Bà K vay của L 03 lần. Lần thứ nhất, khoảng tháng 3-2019 bà K vay của L số tiền 7.500.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 300.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ hai, khoảng tháng 4-2019 bà K vay của L số tiền 7.500.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 300.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng); Lần thứ ba, ngày 19-4-2019 bà K vay của L số tiền 7.500.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 300.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Bà K đã trả xong hết các khoản nợ vay lần thứ nhất và lần thứ hai, còn lần thứ ba thì bà K mới trả cho L được 04 ngày.

- Bà Nguyễn Thị Hồng T5 khai: Bà T5 vay của L 03 lần. Lần thứ nhất, ngày 24-01-2019 bà T5 vay của L số tiền 7.500.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 300.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ hai, ngày 13-3-2019 bà T5 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Lần thứ ba, ngày 18-4-2019 bà T5 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng). Bà T5 đã trả xong hết các khoản nợ vay lần thứ nhất và lần thứ hai, còn lần thứ ba thì bà T5 mới trả cho L được 05 ngày.

- Ông Mai Bá Đ5 khai: Ông Đ5 vay của L 02 lần. Lần thứ nhất, khoảng tháng 3-2019 ông Đ5 vay của L số tiền 4.000.000 đồng, trả trong thời gian là 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 30%/tháng), ông Đ5 đã trả xong khoản nợ vay này. Lần thứ hai, ngày 07-4-2019 ông Đ5 vay của L số tiền 4.000.000 đồng, trả trong thời gian là 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 30%/tháng), lần này ông Đ5 đã trả được 16 ngày.

- Ông Nguyễn Long P khai: Ông P vay của L 01 lần vào ngày 27-3-2019 với số tiền 5.000.000 đồng, trả trong thời gian là 31 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 200.000 đồng (tương đương mức lãi suất 23,23%/tháng), ông P đã trả xong khoản nợ vay này.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển số 61B1 – 886.27 màu trắng, đen do ông Trần Khánh L, là người đại diện theo pháp luật của Công ty S đứng tên trong giấy đăng ký xe. Qua xác minh không rõ hiện ông Trần Khánh L đang ở đâu, làm gì. L khai do có mối quan hệ quen biết với ông Trần Khánh L nên mượn ông Trần Khánh L xe trên làm phương tiện đi lại, ông Trần Khánh L không biết L sử dụng đi thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Qua tra cứu xe máy vật chứng tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Cáo trạng số 235/CT-VKSTU ngày 08-11-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Trịnh Bá L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đối với số tiền thu lợi bất chính theo Cáo trạng số 235/CT-VKSTU ngày 08-11-2019 xác định là 56.939.089 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa, bị cáo xác định bà Ng, ông C4, bà K, bà T5 và ông Đ5 đã góp hết cho bị cáo số tiền vay còn lại nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L là 61.469.853 đồng mà không phải là 56.939.089 đồng như Cáo trạng truy tố đã xác định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Bá L số tiền 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Buộc bị cáo Trịnh Bá L phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thu được từ việc cho vay lãi nặng để trả lại cho người vay, cụ thể: Trả cho bà Dương Thị H số tiền 2.802.740 đồng; bà Thái Thị Kim Th số tiền 2.802.740 đồng; ông Nguyễn Ngọc H1 số tiền 3.671.232 đồng; ông Phạm Thanh T1 số tiền 5.506.848 đồng; ông Nguyễn Tấn C1 số tiền 4.460.274 đồng; ông Huỳnh Hoàng Nh số tiền 5.575.341 đồng; bà Đường Diêu H6 số tiền 4.460.272 đồng; bà Trần Thị Hồng H2 số tiền 3.671.232 đồng; bà Trần Lê Mỹ D số tiền 2.294.520 đồng; ông Võ Văn C4 số tiền 10.035.616 đồng; ông Nguyễn Thanh T3 số tiền 1.115.068 đồng; bà Đỗ Thị I số tiền 917.808 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyết K số tiền 5.017.809 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng T5 số tiền **3.902.739 đồng**; bà Huỳnh Kim Ng số tiền 2.230.136 đồng; ông Mai Bá Đ5 số tiền 1.890.410 đồng; ông Nguyễn Long P số tiền 1.115.068 đồng.

- Buộc bị cáo Trịnh Bá L phải nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 276.700.000 đồng, đây là khoản tiền gốc mà bị cáo cho 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay, được xác định là phương tiện phạm tội và nộp số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20% mà bị cáo Trịnh Bá L đã thu của 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 4.830.147 đồng.

- Trả lại cho Công ty S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển số 61B1 – 886.27 màu trắng, đen.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng đồng.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 12.800.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Bá L trình bày đối với số tiền vay còn lại của bà Ng, ông C4, bà K, bà T5 và ông Đ5, những người này đã góp hết cho bị cáo. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bà Nguyễn Thị Hồng T5 trình bày: Đối với khoản vay lần thứ 3 vào ngày 18-4-2019 với số tiền 5.000.000 đồng, trong quá trình điều tra, bà T5 khai trả cho L được 05 ngày. Tuy nhiên, sau khi bị cáo được Công an trả tự do thì bà T5 đã góp hết số tiền còn lại cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là không đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bà Ng, ông C4, bà K, bà T5 và ông Đ5 đã góp hết cho bị cáo số tiền vay còn lại. Như vậy, nếu tính số tiền bà Ng, ông C4, bà K, bà T5 và ông Đ5 đã góp cho bị cáo thì tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là 61.469.853 đồng. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Lời khai của bị cáo Trịnh Bá L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo trước sau đều thống nhất với nhau và phù hợp lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 9/2018 đến tháng 5/2019 trên các địa bàn phường Ph, xã P, phường H, xã T thuộc thị xã U, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trịnh Bá L đã thực hiện hành vi cho bà Dương Thị H, bà Thái Thị Kim Hoa, ông Nguyễn Ngọc H1, ông Phạm Thanh T1, bà Huỳnh Kim Ng, ông Nguyễn Tấn C1, ông Huỳnh Hoàng Nh, ông Đường Diêu H6, ông Nguyễn Long P, bà Trần Thị Hồng H2, bà Trần Lê Mỹ D, ông Võ Văn C4, ông Nguyễn Thanh T3, bà Đỗ Thị I, bà Nguyễn Thị Tuyết K, bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Mai Bá Đ5 vay tiền với lãi suất từ 20%/tháng đến 30%/tháng. Mức lãi suất mà bị cáo cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên vay là cao gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và bị cáo đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là 61.469.853 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Bị cáo nhận thức được hành vi cho

người khác vay với thỏa thuận lãi suất cao gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất được Bộ luật Dân sự quy định là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì vụ lợi nên bị cáo cố ý phạm tội. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát thị xã Tân Uyên truy tố đối với bị cáo Trịnh Bá L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[9] Mức hình phạt đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[10] Đối với Nguyễn Việt Đ đã có hành vi vào ngày 18-3-2019 và ngày 19-4-2019 cho ông Nguyễn Tấn C1, ông Huỳnh Hoàng Nh vay tiền với mức lãi suất 30%/tháng (01%/ngày). Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay của Nguyễn Việt Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Việt Đ là phù hợp.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà bị cáo đã thu được của 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ việc cho vay lãi nặng được xác định là 61.469.853 đồng. Đây là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần buộc bị cáo phải nộp số tiền trên để được trả lại cho 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: Trả cho bà Dương Thị H số tiền 2.802.740 đồng; bà Thái Thị Kim Th số tiền 2.802.740 đồng; ông Nguyễn Ngọc H1 số tiền 3.671.232 đồng; ông Phạm Thanh T1 số tiền 5.506.848 đồng; ông Nguyễn Tấn C1 số tiền 4.460.274 đồng; ông Huỳnh Hoàng Nh số tiền 5.575.341 đồng; bà Đường Diêu H6 số tiền 4.460.272 đồng; bà Trần Thị Hồng H2 số tiền 3.671.232 đồng; bà Trần Lê Mỹ D

số tiền 2.294.520 đồng; ông Võ Văn C4 số tiền 10.035.616 đồng; ông Nguyễn Thanh T3 số tiền 1.115.068 đồng; bà Đỗ Thị I số tiền 917.808 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyết K số tiền 5.017.809 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng T5 số tiền **3.902.739 đồng**; bà Huỳnh Kim Ng số tiền 2.230.136 đồng; ông Mai Bá Đ5 số tiền 1.890.410 đồng; ông Nguyễn Long P số tiền 1.115.068 đồng.

- Tổng số tiền cho vay (tiền gốc) mà bị cáo cho 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay là 289.500.000 đồng, số tiền này được xác định là phương tiện phạm tội nên cần buộc bị cáo Trịnh Bá L nộp Ngân sách Nhà nước số tiền trên. Tuy nhiên, trong số tiền 42.800.000 đồng thu giữ của bị cáo, bị cáo xác định có số tiền gốc 12.800.000 đồng thu được nên số tiền bị cáo còn phải nộp Ngân sách Nhà nước là 276.700.000 đồng.

- Đối với khoản tiền tương ứng mức lãi suất 20% mà bị cáo Trịnh Bá L đã thu của 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 4.830.147 đồng. Tuy số tiền này không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nên cần buộc bị cáo nộp Ngân sách Nhà nước số tiền trên.

- Đối với điện thoại 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng đồng, là công cụ bị cáo sử dụng liên hệ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- **Đối với số tiền 42.800.000 đồng, trong đó có 12.800.000 đồng bị cáo thừa nhận là khoản tiền gốc mà bị cáo cho 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay. Do vậy, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 12.800.000 đồng vì đây là phương tiện phạm tội; 30.000.000 đồng còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.**

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển số 61B1 – 886.27 màu trắng, đen, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Công ty S.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 260, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Bá L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Bá L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng đồng và **số tiền 12.800.000 đồng.**

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Bá L số tiền 30.000.000 đồng.

- Trả lại cho Công ty S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển số 61B1 – 886.27 màu trắng, đen; số máy JA36E0478761, số khung RLHJA364XGY03855.

(Thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)

- Buộc bị cáo Trịnh Bá L phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 61.469.853 đồng (Sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm năm mươi ba đồng) để trả lại cho 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: Trả cho bà Dương Thị H số tiền 2.802.740 đồng; bà Thái Thị Kim Th số tiền 2.802.740 đồng; ông Nguyễn Ngọc H1 số tiền 3.671.232 đồng; ông Phạm Thanh T1 số tiền 5.506.848 đồng; ông Nguyễn Tấn C1 số tiền 4.460.274 đồng; ông Huỳnh Hoàng Nh số tiền 5.575.341 đồng; bà Đường Diêu H6 số tiền 4.460.272 đồng; bà Trần Thị Hồng H2 số tiền 3.671.232 đồng; bà Trần Lê Mỹ D số tiền 2.294.520 đồng; ông Võ Văn C4 số tiền 10.035.616 đồng; ông Nguyễn Thanh T3 số tiền 1.115.068 đồng; bà Đỗ Thị I số tiền 917.808 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyết K số tiền 5.017.809 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng T5 số tiền **3.902.739 đồng**; bà Huỳnh Kim Ng số tiền 2.230.136 đồng; ông Mai Bá Đ5 số tiền 1.890.410 đồng; ông Nguyễn Long P số tiền 1.115.068 đồng.

- Buộc bị cáo Trịnh Bá L nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 281.530.147 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu năm trăm ba mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng), bao gồm 276.700.000 đồng bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và 4.830.147 đồng phát sinh từ tội phạm mà có.

3. Về án phí: Bị cáo Trịnh Bá L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Công an thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Người tham gia tố tụng (20);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết

- Luru: HS, VT (02).